

Bản án số: **23** /2025/HS-PT
Ngày 20 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Chương.

Các Thẩm phán: Ông Triệu Ngọc Thúc và ông Trần Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Tuyết Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2025/TLPT-HS ngày 23 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Ma Thị S do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2025/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Họ và tên: **Ma Thị S**, sinh ngày 14/7/1977, tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Văn T (đã chết) và bà Phạm Thị H (đã chết); có chồng Nguyễn Duy T1 (đã ly hôn); con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2008);

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, (Có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 04/10/2019 đến ngày 19/3/2024, Ma Thị S, sinh năm 1977, trú tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã có

hành vi sử dụng 120.000.000 đồng của mình cho người khác vay tiền với mức lãi suất từ 101,1 %/ năm đến 141,2 %/ năm, gấp từ 5,1 đến 7,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính tổng số tiền 131.383.499 đồng, cụ thể như sau:

1. Ma Thị S cho chị Nguyễn Tố Q, sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vay tiền với mức lãi suất cao, cụ thể:

Ngày 23/11/2021, S cho Q vay số tiền 34.900.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày (tương ứng với mức lãi xuất là $= 109,5\%/năm$, gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). S và Q thỏa thuận sau 01 tháng Q không trả tiền lãi cho S thì sẽ cộng số tiền lãi và tiền gốc để tính tiền lãi tiếp theo. Đến ngày 23/6/2022, S và Q thỏa thuận tổng số tiền Q vay của S là 63.528.000 đồng (trong đó tiền gốc là 34.900.000 đồng, tiền lãi là 28.628.000 đồng), từ ngày 23/6/2022 không tính tiền lãi của khoản vay trên nữa. Ngày 22/7/2022, chị Q thanh toán cho S số tiền 34.900.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 28.628.000 đồng tiền lãi.

Thực tế S cho Q vay số tiền 34.900.000 đồng từ ngày 23/11/2021 đến ngày 23/6/2022 là 212 ngày, thu tổng tiền lãi là 28.628.000 đồng tương ứng với mức lãi suất là: $= 141,2\%$, cao gấp 7,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là $34.900.000 \text{ đồng} \times 212 \text{ ngày} = 4.054.137 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền S nhằm thu lợi bất chính từ việc cho Q vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 24.573.863 đồng. S chưa thu được số tiền này.

2. Ma Thị S cho anh Nguyễn Quang V, sinh năm 1980, trú tại Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vay tiền với mức lãi suất cao, cụ thể:

- Ngày 12/3/2021, S cho V vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày tương đương $109,5\%/năm$ (gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). Tính đến ngày 10/5/2021 (59 ngày), V đã trả cho S 8.550.000 đồng tiền lãi và 40.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại số tiền 10.000.000 đồng.

Thực tế S cho V vay số tiền 50.000.000 đồng từ ngày 12/3/2021 đến ngày 10/5/2021 là 59 ngày, thu số tiền lãi là 8.550.000 đồng tương ứng với mức lãi suất là $105,8\%/năm$, cao gấp 5,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.616.438 đồng. Số tiền S thu lợi bất chính là 6.933.562 đồng.

- Đối với số tiền 10.000.000 đồng V còn nợ lại, từ ngày 11/5/2021 S tiếp tục tính lãi như trên, đến ngày 24/11/2021 (197 ngày) V đã trả cho S 5.950.000 đồng tiền lãi.

Thực tế S cho V vay số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 11/5/2021 đến ngày 24/11/2021 là 197 ngày, thu số tiền lãi là 5.950.000 đồng tương ứng với mức lãi suất là $110,2\%/năm$, cao gấp 5,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.079.452 đồng. Số tiền S thu lợi bất chính là 4.870.548 đồng.

- Cuối tháng 11/2021 (không xác định ngày cụ thể), V vay thêm của S số tiền 10.000.000 đồng, cộng với khoản nợ gốc 10.000.000 đồng chưa thanh toán, thành

khoản nợ mới là 20.000.000 đồng với lãi suất 1.800.000 đồng/01 tháng (tương ứng với mức lãi suất là: $= 108\%/ \text{năm}$, gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Từ tháng 12/2021 đến tháng 4/2023 (17 tháng), V trả cho S 20.000.000 đồng tiền gốc, tổng số tiền lãi V phải trả cho S là 30.600.000 đồng, V đã trả cho S số tiền lãi là 27.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 3.600.000 đồng tiền lãi. Từ tháng 5/2023, S và V thỏa thuận không tính lãi đối với số tiền V vay nữa. Số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 20.000.000 đồng $\times \times 17 \text{ tháng} = 5.666.666$ đồng. Số tiền S thu lợi bất chính là 24.933.334 đồng.

Tổng số tiền S nhằm thu lợi bất chính từ việc cho V vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 36.737.443 đồng, S đã thu lợi bất chính 33.137.444 đồng, chưa thu được số tiền 3.600.000 đồng.

3. Ma Thị S cho chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1980, trú tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H vay tiền với mức lãi suất cao, cụ thể:

Ngày 08/5/2023, V cho O vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 2.700.000 đồng/01 tháng (tương ứng với mức lãi suất là $108\%/ \text{năm}$, cao gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Đến ngày 07/6/2023, O trả cho S số tiền lãi là 2.700.000 đồng và số tiền 5.300.000 đồng tiền gốc, tại phiên tòa bị cáo xác định chị O đã trả thêm 2.000.000 đồng tiền gốc, chị O còn nợ lại 22.700.000 đồng tiền gốc, sau đó S và O thỏa thuận không tính lãi đối với số tiền O vay nữa. Số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 500.000 đồng. Số tiền S thu lợi bất chính từ việc cho O vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 2.200.000 đồng.

4. Ma Thị S cho chị Nguyễn Thị Huyền T2, sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H vay tiền với mức lãi suất cao, cụ thể:

Ngày 22/11/2019, S cho T2 vay số tiền 35.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày (tương ứng với mức lãi suất là $109,5\%/ \text{năm}$, gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Đến ngày 18/5/2020 (178 ngày), T2 đã trả cho S 18.480.000 đồng tiền lãi và 35.000.000 đồng tiền gốc vay.

Thực tế S cho T2 vay số tiền 35.000.000 đồng từ ngày 22/11/2019 đến ngày 18/5/2020 là 178 ngày, thu tổng tiền lãi là 18.480.000 đồng tương ứng với mức lãi suất là $108,3 \%/ \text{năm}$, cao gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 3.413.698 đồng. Số tiền S thu lợi bất chính từ việc cho T2 vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 15.066.302 đồng.

5. Ma Thị S cho anh Đào Trọng N, sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vay tiền với mức lãi suất cao, cụ thể:

Ngày 25/5/2021, S cho N vay số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày (tương ứng với mức lãi suất là $109,5\%/ \text{năm}$, gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Đến ngày 25/10/2021 (153 ngày), N đã trả cho S 7.110.000 đồng tiền lãi và 15.000.000 đồng tiền gốc vay.

Thực tế S cho N vay số tiền 15.000.000 đồng từ ngày 25/5/2021 đến ngày 25/10/2021 là 153 ngày, thu tổng tiền lãi là 7.110.000 đồng tương ứng với mức lãi suất là $113,1\%/ \text{năm}$, cao gấp 5,7 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ

luật Dân sự. Số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.257.534 đồng. Số tiền S thu lợi bất chính từ việc cho N vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 5.852.466 đồng.

6. Ma Thị S cho anh Đặng Văn H1, sinh 1995, trú tại thôn A M, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vay tiền với mức lãi suất cao, cụ thể:

Ngày 22/9/2023, S cho H1 vay số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày (tương ứng với mức lãi xuất là 109,5%/năm, gấp 5,4 lần mức lãi xuất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Đến ngày 30/9/2023 (08 ngày), H1 trả S 360.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 65.753 đồng. Số tiền S thu lợi bất chính từ việc cho H1 vay khoản tiền trên là 294.247 đồng.

Ngày 01/10/2023, S cho H1 vay thêm số tiền 5.000.000 đồng với mức lãi suất như trên. Tổng số tiền S cho H1 vay là 20.000.000 đồng. Đến ngày 04/10/2023 (04 ngày), H1 trả S 240.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là. Số tiền thu lợi bất chính từ việc cho H1 vay khoản tiền trên là 196.164 đồng.

Ngày 05/10/2023, S cho H1 vay thêm số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất như trên. Tổng số tiền S cho H1 vay là 30.000.000 đồng. Đến 19/3/2024 (166 ngày), H1 trả S 13.800.000 đồng tiền lãi và số tiền 30.000.000 đồng tiền gốc. Thực tế S cho H1 vay số tiền 30.000.000 đồng từ ngày 05/10/2023 đến ngày 19/3/2024 là 166 ngày, thu tổng tiền lãi là 13.800.000 đồng tương ứng với mức lãi suất là 101,1%/ năm, cao gấp 5,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 2.728.767 đồng. Số tiền S thu lợi bất chính từ việc cho H1 vay khoản tiền trên là 11.071.233 đồng.

Tổng số tiền S thu lợi bất chính từ việc cho H1 vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 11.561.644 đồng.

7. Ma Thị S cho bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971, trú tại Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H vay tiền với mức lãi suất cao, cụ thể:

- Ngày 04/10/2019, S cho M vay số tiền 30.000.000 đồng với mức lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm, cao gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Đến ngày 04/6/2020 (244 ngày), M trả S số tiền lãi 21.600.000 đồng và số tiền 30.000.000 đồng tiền gốc. Thực tế S cho M vay số tiền 30.000.000 đồng từ ngày 04/10/2019 đến ngày 04/6/2020 là 244 ngày, thu tổng tiền lãi là 21.600.000 đồng tương ứng với mức lãi suất là 107,7%/ năm, cao gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 4.010.959 đồng. Số tiền S thu lợi bất chính từ việc cho M vay khoản tiền trên là 17.589.041 đồng.

- Ngày 01/4/2021, S cho M vay số tiền 35.000.000 đồng với mức lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày (tương ứng với mức lãi suất là 109,5%/năm, gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Đến ngày 16/10/2021 (198 ngày), S và M thỏa thuận không tính tiền lãi của khoản vay trên nữa, M phải trả cho S số tiền lãi là 21.600.000 đồng, tuy nhiên M chỉ trả được 7.300.000 đồng tiền lãi và

300.000 đồng tiền gốc, còn lại số tiền lãi 14.300.000 đồng và 34.700.000 đồng tiền gốc M nợ S. Thực tế S cho M vay số tiền 35.000.000 đồng từ ngày 01/4/2021 đến ngày 16/10/2021 là 198 ngày, thu tổng tiền lãi là 21.600.000 đồng tương ứng với mức lãi suất là 113,8%/ năm, cao gấp 5,7 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 3.797.260 đồng. Số tiền S thu lợi bất chính từ việc cho M vay khoản tiền trên là 17.802.740 đồng.

Tổng số tiền S nhằm thu lợi bất chính từ việc cho M vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 35.391.781 đồng, trong đó S đã thu được 21.091.000 đồng, số chưa thu là 14.300.000 đồng.

Như vậy Ma Thị S đã sử dụng số tiền 120.000.000 đồng cho 07 người vay quay vòng, với lãi suất gấp trên 05 trở lên mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu tổng số tiền lãi là 159.618.000 đồng, trong đó số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 28.234.500 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 131.383.500 đồng. Hiện Đặng Quang V1 nợ 3.600.000 đồng tiền lãi, Nguyễn Thị M nợ 14.300.000 đồng tiền lãi, Nguyễn Tổ Q nợ 28.628.000 đồng tiền lãi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Ma Thị S phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Ma Thị S 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 01 (một) năm, hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/3/2025).

Giao bị cáo Ma Thị S cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Truy thu của bị cáo Ma Thị S số tiền gốc 60.600.000 đồng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (tương ứng 20%/năm) bị cáo đã thu của người vay số tiền 24.180.363 đồng. Tổng cộng truy thu của bị cáo số tiền 84.780.363 đồng (*Tám mươi tư triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, ba trăm sáu ba đồng*) sung ngân sách nhà nước.

- Buộc chị Nguyễn Thị Kiều O phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo Ma Thị S nhưng chưa trả cho bị cáo số tiền 24.700.000 đồng (*Hai mươi tư triệu, bảy trăm nghìn đồng*).

- Buộc người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị M là anh Phạm Duy Q1 phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc bà M đã vay của bị cáo chưa trả cho bị cáo số tiền 34.700.000 đồng (*Ba mươi tư triệu, bảy trăm nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo Ma Thị S phải trả lại khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự cho chị Nguyễn Thị Kiều O số tiền 2.200.000 đồng (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng*); trả lại cho người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị M là anh Phạm Duy Q1 số tiền 21.091.781 đồng (*Hai mươi một triệu, không trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm tám mươi một đồng*); trả lại cho anh Đào Trọng N số tiền 52.466 đồng (*Năm mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng*).

- Ghi nhận bị cáo đã trả lại khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự cho: Anh Nguyễn Quang V số tiền 33.900.000 đồng; anh Đặng Văn H1 số tiền 11.600.000 đồng; chị Nguyễn Thị Huyền T2 số tiền 15.100.000 đồng; anh Đào Trọng N số tiền 5.800.000 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple, kiểu máy Iphone 13 promax, màu ghi, không gắn sim cho bị cáo Ma Thị S.

(Tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang lập ngày 17/3/2025).

- Tịch thu, lưu theo hồ sơ vụ án 01 (một) quyển sổ ghi nợ được đánh số từ bút lục 591 đến bút lục 667.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/4/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-P7 với nội dung: Kháng nghị về phần xử lý vật chứng, tài sản thu giữ (đối với số tiền truy thu của bị cáo S và số tiền chị Nguyễn Thị Kiều O phải nộp vào ngân sách Nhà nước) tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật; thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự tố tụng.

- Về nội dung kháng nghị: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị với lý do:

Ngày 08/5/2023, bị cáo Ma Thị S cho Nguyễn Thị Kiều O vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 2.700.000 đồng/01 tháng (tương ứng với mức lãi suất

là 108%/ năm, cao gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Ngày 07/6/2023, O trả cho bị cáo S số tiền lãi là 2.700.000 đồng và 5.300.000 đồng tiền gốc, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo xác định chị O đã trả thêm 2.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy, chị O còn nợ 22.700.000 đồng tiền gốc chưa trả cho bị cáo S. Nhưng tại Quyết định của bản án sơ thẩm về việc xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: ... “ *Truy thu của bị cáo Ma Thị S số tiền gốc 60.600.000 đồng...Buộc chị Nguyễn Thị Kiều O phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo Ma Thị S nhưng chưa trả cho bị cáo S số tiền 24.700.000 (Hai mươi tư triệu, bảy trăm nghìn đồng...* ” là chưa chính xác.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo hướng:

- Tịch thu của bị cáo Ma Thị S số tiền gốc 62.600.000 đồng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (tương ứng 20%/năm) bị cáo đã thu của người vay số tiền 24.180.363 đồng. Tổng cộng truy thu của bị cáo số tiền 86.780.363 đồng (*T3 mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, ba trăm sáu ba đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc chị Nguyễn Thị Kiều O phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo Ma Thị S nhưng chưa trả cho bị cáo S số tiền 22.700.000 đồng (*Hai mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa bị cáo Ma Thị S trình bày: Bị cáo tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội như cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo không có kháng cáo. Đối với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc sửa bản án sơ thẩm, bị cáo xác định tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Kiều O đã trả thêm cho bị cáo số tiền gốc đã vay là 2.000.000 đồng, bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên.

Bị cáo trình bày lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đúng quy định. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/4/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-P7 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang là đúng hạn luật định, nên quyết định kháng nghị là hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-P7 ngày 26/4/2025. Bị cáo Ma Thị S tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ

quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 04/10/2019 đến ngày 19/3/2024, trên địa bàn huyện H, tỉnh Tuyên Quang, Ma Thị S đã có hành vi sử dụng 120.000.000 đồng của mình cho Nguyễn Tô Q, Nguyễn Quang V, Nguyễn Thị Kiều O, Nguyễn Thị Huyền T2, Đào Trọng N, Đặng Văn H1, Nguyễn Thị M vay tiền với mức lãi suất từ 101,1 %/ năm đến 141,2 %/năm, gấp từ 5,1 đến 7,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, thu số tiền lãi là 159.618.000 đồng, trong đó số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 28.234.500 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 131.383.500 đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng vì vụ lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý, cho người khác vay tiền với mức lãi suất cao gấp hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất được Bộ luật dân sự quy định. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự với mức hình phạt 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Đối với Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xác định bị cáo Ma Thị S đã sử dụng số tiền gốc 120.000.000 đồng cho 07 người vay quay vòng, với mức lãi suất cao gấp hơn 5 lần mức lãi suất cao nhất được Bộ luật dân sự quy định, với tổng số tiền lãi thu được là 159.618.000 đồng, trong đó số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 28.234.500 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 131.383.500 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi thực hiện việc tính toán số tiền nợ gốc của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim O1 chưa trả cho bị cáo S là chưa chính xác, cụ thể:

- Ngày 08/5/2023, bị cáo S cho Nguyễn Thị Kiều O vay số tiền gốc 30.000.000 đồng với lãi suất 2.700.000 đồng/01 tháng (tương ứng với mức lãi suất là 108%/năm, cao gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Trong đó, số tiền lãi cao nhất cho phép theo quy định của Bộ luật dân sự là 500.000 đồng, số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 2.200.000 đồng.

- Ngày 07/6/2023, chị O đã trả cho bị cáo S số tiền gốc 5.300.000 đồng và tiền lãi là 2.700.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm chị O xác định đã trả thêm cho bị cáo số tiền gốc là 2.000.000 đồng, bị cáo S cũng thừa nhận đã nhận thêm 2.000.000 đồng từ chị O. Như vậy, chị O chỉ còn nợ bị cáo S số tiền gốc chưa trả là 22.700.000 đồng. Đối với số tiền gốc mà người vay đã trả cho bị cáo thì bị cáo phải nộp ngân sách Nhà nước, số tiền gốc mà người vay chưa trả cho bị cáo thì buộc người vay phải nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

Nhưng tại Quyết định của bản án sơ thẩm về việc xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: ... “*Truy thu của bị cáo Ma Thị S số tiền gốc 60.600.000 đồng...Buộc chị Nguyễn Thị Kiều O phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo Ma Thị S nhưng chưa trả cho bị cáo số tiền 24.700.000 (Hai mươi tư triệu, bảy trăm nghìn đồng...*” là chưa chính xác.

Như vậy, nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm 01/QĐ-VKS-P7 ngày 26/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang về phần xử lý vật chứng, tài sản thu giữ (đối với số tiền truy thu của bị cáo S và số tiền chị Nguyễn Thị Kiều O phải nộp vào ngân sách nhà nước) như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-P7, ngày 26/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Hàm Yên về phần xử lý vật chứng, tài sản thu giữ như sau:

Truy thu của bị cáo Ma Thị S số tiền gốc 62.600.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu, sáu trăm nghìn đồng*) và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (tương ứng 20%/năm) bị cáo đã thu của người vay số tiền 24.180.363 đồng. Tổng cộng truy thu của bị cáo Ma Thị S số tiền 86.780.363 đồng (*T3 mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, ba trăm sáu ba đồng*) sung ngân sách nhà nước.

Buộc chị Nguyễn Thị Kiều O phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo Ma Thị S nhưng chưa trả cho bị cáo số tiền 22.700.000 đồng (*Hai mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng*).

2. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Ma Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim O1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/6/2025)./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Ngọc Thúc - Trần Anh Tuấn

Hà Văn Chương

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh T.Quang;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh T.Quang;
- TAND huyện Hàm Yên, tỉnh T. Quang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Hàm Yên, tỉnh T. Quang;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Bị cáo;
- Người liên quan chị Oanh;
- Văn phòng - TAND tỉnh;
- Lưu HS.

Hà Văn Chương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thanh Sơn - Ma Ngọc Trung

Nguyễn Thanh Hương

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh T. Quang;
- TAND huyện Sơn Dương, tỉnh T. Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương, tỉnh T. Quang;
- Công an huyện Sơn Dương, tỉnh T. Quang;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Văn phòng - TAND tỉnh;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hương

